

Bản án số : 840/DS-PT

Ngày: 03/9/2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên.

Bà Đoàn Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22/01/2020; Do bản án dân sự sơ thẩm số 1360/2019/HNGĐ-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3336/2020/QĐST-DS ngày 03/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8808/2020/QĐ-PT ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Duy Thiết, sinh năm 1970; Địa chỉ: số F, xã Vĩnh Lộc B, huyện V, Thành phố F (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Tuấn Anh - Luật sư Công ty Luật B.N.C và cộng sự - Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1971; số F, xã Vĩnh Lộc B, huyện V, Thành phố F (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Duy T, sinh năm 1975; Địa chỉ: số F, xã Vĩnh Lộc B, huyện V, Thành phố F (vắng mặt).

2. Ngân hàng TMCP Á Châu; Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông Khương Lê Hoàng P - đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 06/7/2017 và ngày 03/9/2020)(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Duy T và bà Lê Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn số 92-1991 ngày 02/8/1991 tại UBND xã Thiệu Giao, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Ông T cho rằng mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, tính cách, thường xuyên gây gỗ cãi vã, cuộc sống chung nặng nề, không hạnh phúc.... Đến cuối năm 2017, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và ông dọn ra ở riêng. Ông đã cố gắng để đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn.

Về con chung: ông T và bà T có 02 con chung: Lê Thị T sinh năm 1992, Lê Duy T sinh năm 1993 đã thành niên.

Về tài sản chung: Vợ chồng cùng tạo lập được tài sản là căn nhà số A5/49 Đường 1A (Công nghệ mới), ấp 1 (nay là ấp 1A), xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA485520 số vào sổ cấp GCN 00015 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2010 cho ông Nguyễn Phước H và bà Nguyễn Ngọc T, cấp thay đổi chủ sở hữu ngày 16/11/2015 cho ông Lê Duy Thiết và bà Lê Thị Tơ hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Á Châu.

Ngày 30/11/2015 ông cùng bà Lê Thị T đã ký Hợp đồng cấp tín dụng số NTR.CN.60.301115 vay Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền là 1.200.000.000 đồng mục đích vay là để mua căn nhà số A5/49 Đường 1A (Công nghệ mới), ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thực tế vợ chồng ông dùng số tiền vay này để cho ông Lê Duy T (em ruột ông Thiết) vay lại.

Số tiền 1.200.000.000 đồng này ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á Châu 853.235.000 đồng, 346.765.000 đồng còn lại ông Thoán đã đưa tiền mặt cho bà Tơ nhưng bà Tơ không dùng số tiền này để thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng mà lại chiếm giữ, sử dụng vào việc riêng của bà T. Do vậy, bà Tơ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á Châu số nợ còn lại là 346.765.000 đồng. Ông yêu cầu xác định số tiền 346.765.000 đồng hiện còn nợ Ngân hàng TMCP Á Châu là nợ riêng của bà Lê Thị T. Ông đề nghị buộc bà Lê Thị Tơ phải trả khoản nợ còn lại 346.765.000 đồng cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Tơ, căn cứ kết quả xác minh Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh: hộ Lê Thị Tơ gồm 03 nhân khẩu đang thực tế tạm trú tại A5/49 đường số 1A ấp 1A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh từ 01/12/2015 cho đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi thông báo thụ lý và các giấy triệu tập bà Tơ đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà T nhưng bà Tơ vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi.

Khi Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 16/10/2019, bà T đến Tòa và có bản tự khai nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Lê Duy T yêu cầu được ly hôn với bà, nhưng bà không đồng ý ly hôn, ông Thiết hiện nay chỉ nhất thời nóng nảy nên bà hy vọng Tòa án cho gia đình chúng tôi một cơ hội được đoàn tụ.

Về con chung: có hai con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Căn nhà A5/49 đường 1A, ấp 1A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng hiện đang thế chấp vay ngân hàng TMCP Á Châu. Nếu chia, bà yêu cầu được hưởng 70% giá trị căn nhà vì hiện nay bà đang lo cho 02 con, công sức đóng góp của bà nhiều hơn.

Về nợ chung: Bà xác định có nợ Ngân hàng TMCP Á Châu hiện tại là số tiền 260.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy T trình bày: trước đây, thời gian cũng đã lâu khoảng tháng 11/2015 ông có vay của ông Thiết, bà Tơ số tiền 1.200.000.000 đồng khi vay không có làm giấy tờ. Sau đó ông đã trả hết cho ông Thiết và bà Tơ và khi trả cũng không làm giấy tờ. Vì vậy, hiện ông không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Ông xác định ông không còn nợ vợ chồng ông Thiết và bà Tơ, do bận rộn công việc và cũng không liên quan gì trong vụ kiện nên ông làm đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Á Châu vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung.

Bản án sơ thẩm số 1360/2019/HNGĐ-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Duy T. Ông Lê Duy Thiết được ly hôn với bà Lê Thị T.

2. Về con chung: Ông T và bà T có hai con chung tên Lê Thị T, sinh năm 1992 và Lê Duy T, sinh năm 1993. Cả hai đều đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Duy T.

4. Về nợ chung: Buộc bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số nợ còn lại của hợp đồng cấp tín dụng số NTR.CN.60.301115 và Khế ước nhận nợ số 207840299 ngày 07/12/2015 gồm tiền gốc và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí.

Ngày 06/12/2019, bà Lê Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 658/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/12/2019 kháng nghị bản án sơ thẩm về việc giải quyết nợ chung.

5. Tại phiên toà phúc thẩm:

5.1 Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo.

5.2 Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Á Châu cho biết trong suốt quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm việc Toà án triệu tập gửi giấy triệu tập tại chi nhánh nên đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Á Châu không nhận được, Ngân hàng cũng không nhận được bản án sơ thẩm. Khi nhận được giấy triệu tập tham gia phiên toà của Tòa án phúc thẩm, đại diện hợp pháp của Ngân hàng đã hoàn tất thủ tục để ông tham gia tại phiên toà nhưng do hôm nay ông mới biết nội dung vụ án nên không có ý kiến vì cần xin ý kiến chỉ đạo của đơn vị.

5.3 Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát đưa ra một số sai sót của Toà sơ thẩm là đúng nhưng những sai sót này không nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên không cần thiết phải huỷ án để giải quyết lại.

5.4 Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Lê Thị T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định. Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

- Đối với kháng cáo của bị đơn: việc tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T đúng quy định pháp luật, khiếu nại của bà T về việc không triệu tập hòa giải là không có căn cứ pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà T nghiêm trọng, bà T không có giải pháp đoàn tụ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn với bà T.

- Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc triệu tập Ngân hàng không đúng thủ tục tố tụng là có căn cứ, đề nghị chấp nhận huỷ một phần bản án sơ thẩm về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bà Lê Thị T làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, bản án sơ

thẩm số 1360/2019/HNGĐ-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung:

2.1 Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bị đơn cho rằng bà còn thương chồng, không đồng ý ly hôn, đề nghị huỷ án sơ thẩm vì ngày mở phiên họp hòa giải không có mặt bà nhưng bà không nhận được kết quả thông báo.

Xét thấy, Toà án đã tiến hành tổng đạt cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, Phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải chỉ có nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn nên chỉ ghi nhận ý kiến như đơn khởi kiện tại thông báo thụ lý đã tổng đạt cho bà nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Từ năm 2017, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không được giải quyết, hai lần Tòa án triệu tập hòa giải nhưng bị đơn đều không đến toà, không đưa ra giải pháp đoàn tụ. Do đó, việc Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết nợ chung của ông T, bà T với Ngân hàng TMCP Á Châu:

Đối với biên bản hoà giải ngày 10/8/2019 thực tế là biên bản không tiến hành hoà giải được do không có bị đơn. Cấp sơ thẩm có sai sót trong việc ghi ý kiến người đại diện theo uỷ quyền về quan hệ hôn nhân, về nợ chung là vượt quá phạm vi uỷ quyền nhưng không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì tại phiên toà các đương sự đều đã có mặt để trình bày ý kiến, quan điểm của mình nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên.

Đối với việc kháng nghị về thời gian tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Ngân hàng TMCP Á Châu không đủ ngày theo quy định là đúng. Tuy nhiên, kháng nghị chưa nêu được vấn đề việc Toà án cấp sơ thẩm đã triệu tập không đúng đối tượng và vi phạm thủ tục tổng đạt trực tiếp. Cụ thể:

Toà án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã triệu tập “Đại diện Ngân hàng TMCP Á Châu” và tổng đạt văn bản này cho nhân viên của Ngân hàng tại chi nhánh giao dịch là không đúng với quy định tại khoản Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự “Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo là cơ quan, tổ chức thì văn bản tố tụng phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và phải được những người này ký nhận”. Như vậy, giấy triệu tập không ghi rõ triệu tập người đại diện theo pháp luật, không giao trực tiếp người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Á Châu, không có căn cứ để xác định nhân viên nhận văn bản tại chi nhánh là người chịu trách nhiệm nhận văn bản là không đúng quy định pháp luật.

Về nội dung kháng nghị việc Toà án cấp sơ thẩm khi chuyển giao nghĩa vụ từ nợ chung vợ chồng thành nợ riêng cho người vợ khi không thụ lý yêu cầu giải quyết nợ chung, không có yêu cầu độc lập giải quyết nợ của Ngân hàng TMCP

Á Châu, buộc trả nợ khi hợp đồng tín dụng còn hiệu lực dẫn đến việc không tuyên nghĩa vụ nộp án phí là không đúng, vượt quá yêu cầu khởi kiện là đúng.

Đối với thủ tục, triệu tập tổng đạt cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vi phạm tố tụng, dẫn đến việc đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Á Châu không tham gia trong suốt quá trình giải quyết sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan lẽ ra phải huỷ án để giải quyết lại.

Tuy nhiên, xét quan hệ hôn nhân của ông Tt, bà Tkhông thể tiếp tục duy trì, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị huỷ một phần bản án sơ thẩm đối với nợ chung là không cần thiết vì yêu cầu này của các đương sự chưa được thụ lý, chưa nộp tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, không cần huỷ án để giải quyết lại mà sửa án không giải quyết vấn đề này. Tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu, tranh chấp về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu và được thụ lý theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về quan hệ hôn nhân, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị T và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung: chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị T chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1360/2019/HNGĐ-ST ngày 26/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Duy T được ly hôn với bà Lê Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92-1991 do Ủy ban nhân dân xã Thiệu Giao, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 02/8/1991 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: Lê Thị T, sinh năm 1992 và Lê Duy T, sinh năm 1993 đã thành niên.

2.3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Duy T.

2.4. Về nợ chung: không giải quyết.

3. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Duy T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 12.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0025257 ngày 08 tháng 05 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Lê Duy T 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị T theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0008982 ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền và nghĩa vụ của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND, Cục THADS TP.HCM;
- TAND, THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/17)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp